**UC0400 – Quản lý hoá đơn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC0400 | **Tên Use case** | Quản lý hoá đơn |
| **Tác nhân** | | Quản lý, Nhân viên | |
| **Mục đích ca sử dụng** | | Giúp tác nhân quản lý các hoá đơn. Hiển thị danh sách các hoá đơn đã được tạo ra tại cửa hàng | |
| **Sự kiện kích hoạt** | | Tác nhân chọn chức năng Quản lý hoá đơn | |
| **Tiền điều kiện** | | Không | |
| **Luồng chính**  **(Thành công)** | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | Tác nhân | Chọn chức năng Quản lý hoá đơn | | 2. | Hệ thống | Hiển thị danh sách các hoá đơn lưu trong cơ sở dữ liệu   * Nếu tác nhân muốn tạo hoá đơn thì thực hiện UC0410 * Nếu tác nhân muốn tìm kiếm hoá đơn thì thực hiện UC0420 * Nếu tác nhân muốn xem chi tiết hoá đơn thì thực hiện UC0430 | | |
| **Luồng thay thế** | | Không có | |
| **Luồng ngoại lệ** | | Không có | |
| **Hậu điều kiện** | | Hệ thống hiển thị danh sách các hoá đơn từng được tạo ra bởi cửa hàng | |

**UC0410 – Tạo hoá đơn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC0410 | **Tên Use case** | Tạo hoá đơn |
| **Tác nhân** | | Quản lý, Nhân viên | |
| **Mục đích ca sử dụng** | | Giúp Tác nhân tạo hoá đơn cho khách hàng | |
| **Sự kiện kích hoạt** | | Tác nhân chọn chức năng Tạo hoá đơn | |
| **Tiền điều kiện** | | Không | |
| **Luồng chính**  **(Thành công)** | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | Tác nhân | Chọn chức năng Tạo hoá đơn | | 2. | Hệ thống | Hiển thị giao diện Tạo hoá đơn | | 3. | Tác nhân | Nhập các trường cho hoá đơn (mô tả dưới \*) | | 4. | Tác nhân | Chọn nút “Tạo hoá đơn” trên giao diện | | 5. | Hệ thống | Kiểm tra xem Tác nhân đã nhập đủ các trường bắt buộc chưa | | 6. | Hệ thống | Kiểm tra xem IMEI của sản phẩm có hợp lệ không | | 7. | Hệ thống | Thêm thông tin hoá đơn vào cơ sở dữ liệu, thông báo tạo hoá đơn thành công, quay lại giao hiện hiển thị Danh sách hoá đơn | | |
| **Luồng thay thế** | | Không có | |
| **Luồng ngoại lệ** | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 6a. | Hệ thống | Thông báo lỗi: Cần nhập đủ các trường bắt buộc nếu Tác nhân nhập thiếu. Quay trở lại bước 3 | | 7a. | Hệ thống | Thông báo lỗi: IMEI tác nhân nhập bị trùng với sản phẩm khác đã có trong hoá đơn hoặc không tìm thấy sản phẩm theo IMEI đã nhập. Quay trở lại bước 3 | | |
| Hậu điều kiện | | Hệ thống thông báo hoá đơn được tạo thành công. Hệ thống thêm hoá đơn mới vào cơ sở dữ liệu | |

*\* Trường dữ liệu cần thiết trong thông tin đầu vào của hoá đơn:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường dữ liệu | Bắt buộc? | Điều kiện hợp lệ | Ví dụ |
| 1. | Tên Khách hàng | Có |  | Lê Anh Dũng |
| 2. | Điện thoại khách hàng | Có |  | 09123456789 |
| 3. | Địa chỉ khách hàng | Không |  | Thái Nguyên |
| 4. | Email khách hàng | Không |  | nqkhanh999@gmail.com |
| 5. | Ghi chú | Không |  | Sẽ lấy hàng sau 10 ngày |
| 6. | IMEI của các sản phẩm | Có |  | Nvidia Geforce RTX 3060 GDDR6 6GB |

**UC0420 – Tìm kiếm hoá đơn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC0420 | **Tên Use case** | Tìm kiếm hoá đơn |
| **Tác nhân** | | Quản lý, Nhân viên | |
| **Mục đích ca sử dụng** | | Giúp tác nhân tìm kiếm hoá đơn trong cơ sở dữ liệu theo từ khoá | |
| **Sự kiện kích hoạt** | | Tác nhân chọn chức năng Tìm kiếm hoá đơn | |
| **Tiền điều kiện** | | Không có | |
| **Luồng chính**  **(Thành công)** | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | Tác nhân | Nhập từ khóa liên quan đến hoá đơn cần tìm kiếm. Chọn nút “Tìm kiếm” trên giao diện | | 2. | Hệ thống | Hiển thị danh sách các hoá đơn phù hợp   * Nếu tác nhân muốn lọc hoá đơn thì thực hiện UC0421 * Nếu tác nhân muốn xem chi tiết hoá đơn thì thực hiện UC0430 | | |
| **Luồng thay thế** | | Không có | |
| **Luồng ngoại lệ** | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 2a. | Hệ thống | Thông báo: Không tìm thấy hoá đơn phù hợp nếu kết quả trả về là danh sách rỗng | | |
| **Hậu điều kiện** | | Hệ thống hiển thị danh sách hoá đơn phù hợp với tiêu chí | |

**UC0421 – Lọc hoá đơn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC0421 | **Tên Use case** | Lọc hoá đơn |
| **Tác nhân** | | Quản lý, Nhân viên | |
| **Mục đích ca sử dụng** | | Giúp tác nhân tìm kiếm hoá đơn trong cơ sở dữ liệu theo các tiêu chí chọn trước | |
| **Sự kiện kích hoạt** | | Tác nhân chọn chức năng Lọc hoá đơn | |
| **Tiền điều kiện** | | Không có | |
| **Luồng chính**  **(Thành công)** | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | Tác nhân | Chọn các tiêu chí liên quan đến hoá đơn cần tìm kiếm (Mô tả dưới \*) | | 2. | Hệ thống | Hiển thị danh sách các hoá đơn phù hợp   * Nếu tác nhân muốn xem chi tiết hoá đơn thì thực hiện UC0430 | | |
| **Luồng thay thế** | | Không có | |
| **Luồng ngoại lệ** | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 2a. | Hệ thống | Thông báo: Không tìm thấy hoá đơn phù hợp nếu kết quả trả về là danh sách rỗng | | |
| **Hậu điều kiện** | | Hệ thống hiển thị danh sách hoá đơn phù hợp với tiêu chí | |

*\* Trường tiêu chí cần thiết để lọc hoá đơn:*

**UC0430 – Xem chi tiết hoá đơn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC0430 | **Tên Use case** | Xem chi tiết hoá đơn |
| **Tác nhân** | | Quản lý, Nhân viên | |
| **Mục đích ca sử dụng** | | Hiển thị thông tin chi tiết hoá đơn mà tác nhân chọn | |
| **Sự kiện kích hoạt** | | Tác nhân chọn chức năng Xem chi tiết hoá đơn | |
| **Tiền điều kiện** | | Không có | |
| **Luồng chính**  **(Thành công)** | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | Tác nhân | Chọn hoá đơn. Chọn chức năng xem chi tiết | | 2. | Hệ thống | Hiển thị các thông tin về hoá đơn   * Nếu tác nhân muốn xoá hoá đơn thì thực hiện UC0431 | | |
| **Luồng thay thế** | | Không có | |
| **Luồng ngoại lệ** | | Không có | |
| **Hậu điều kiện** | | Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của hoá đơn | |

**UC0431 – Xoá hoá đơn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC0431 | **Tên Use case** | Xoá hoá đơn |
| **Tác nhân** | | Quản lý, Nhân viên | |
| **Mục đích ca sử dụng** | | Giúp tác nhân xoá hoá đơn trong cơ sở dữ liệu | |
| **Sự kiện kích hoạt** | | Tác nhân chọn chức năng Xoá hoá đơn | |
| **Tiền điều kiện** | | Không có | |
| **Luồng chính**  **(Thành công)** | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | Tác nhân | Chọn hoá đơn. Chọn nút “Xoá hoá đơn” trên giao diện | | 2. | Hệ thống | Hiển thị câu hỏi xác nhận xem tác nhân có muốn xoá không | | 3. | Tác nhân | Chọn nút đồng ý | | 4. | Hệ thống | Xoá hoá đơn khỏi cơ sở dữ liệu, thông báo cho người dùng đã xoá thành công, quay lại giao diện hiển thị danh sách hoá đơn | | |
| **Luồng thay thế** | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 3a. | Tác nhân | Chọn nút Huỷ | | 4a. | Hệ thống | Quay lại giao diện hiển thị thông tin chi tiết hoá đơn | | |
| **Luồng ngoại lệ** | | Không có | |
| **Hậu điều kiện** | | Hệ thống xoá hoá đơn khỏi cơ sở dữ liệu, thông báo cho người dùng | |